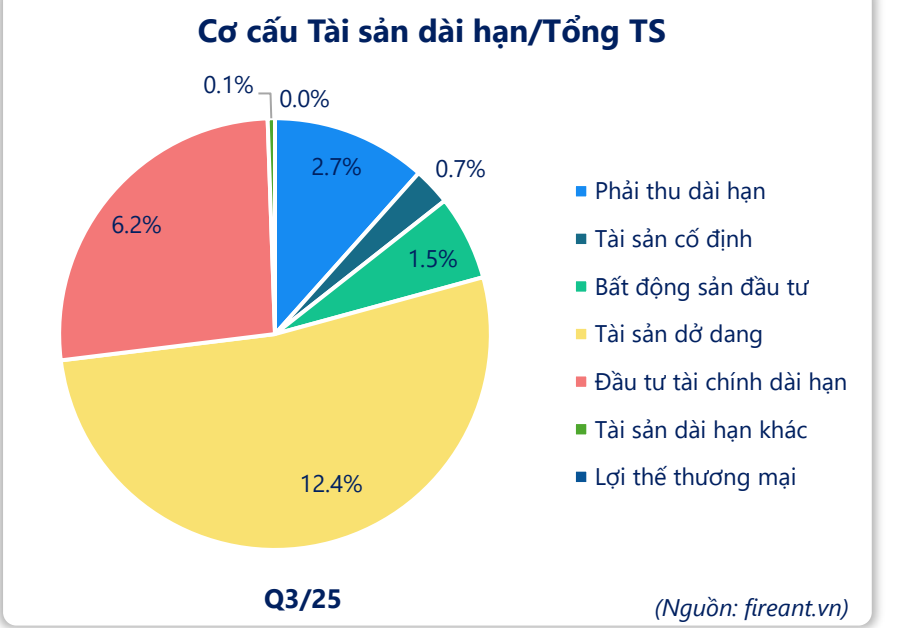
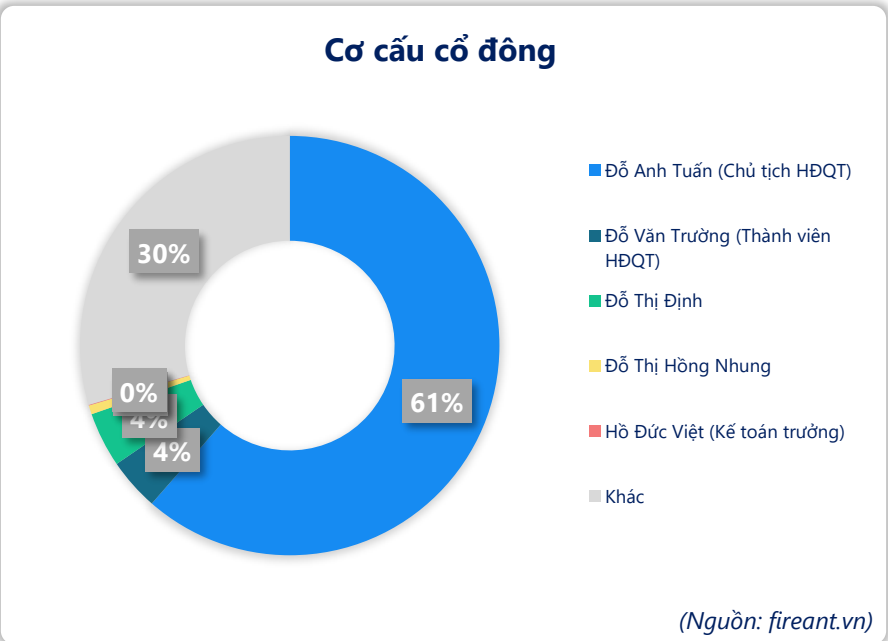
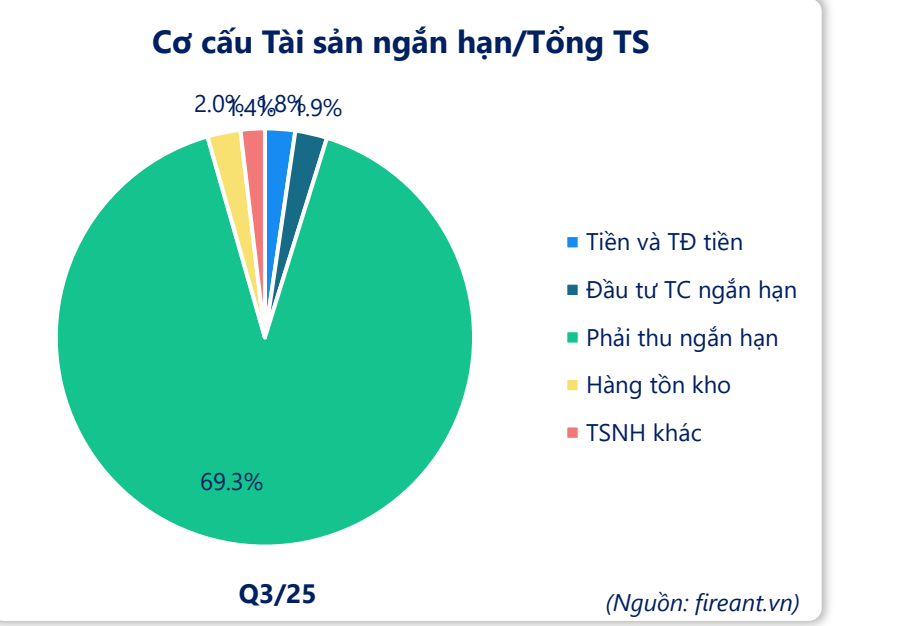
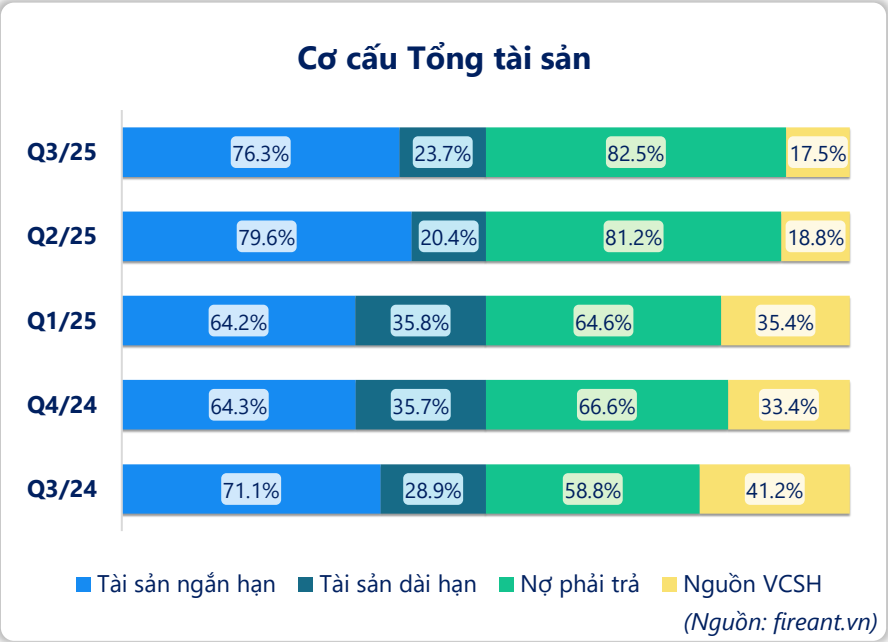
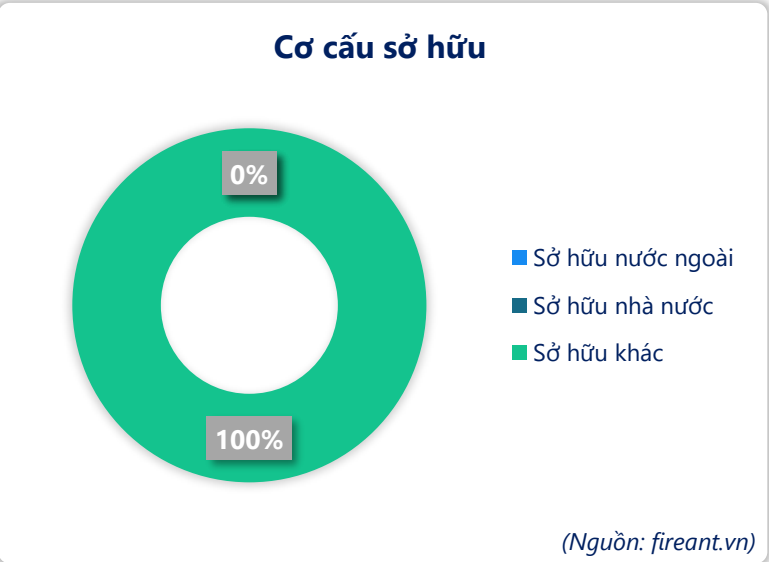
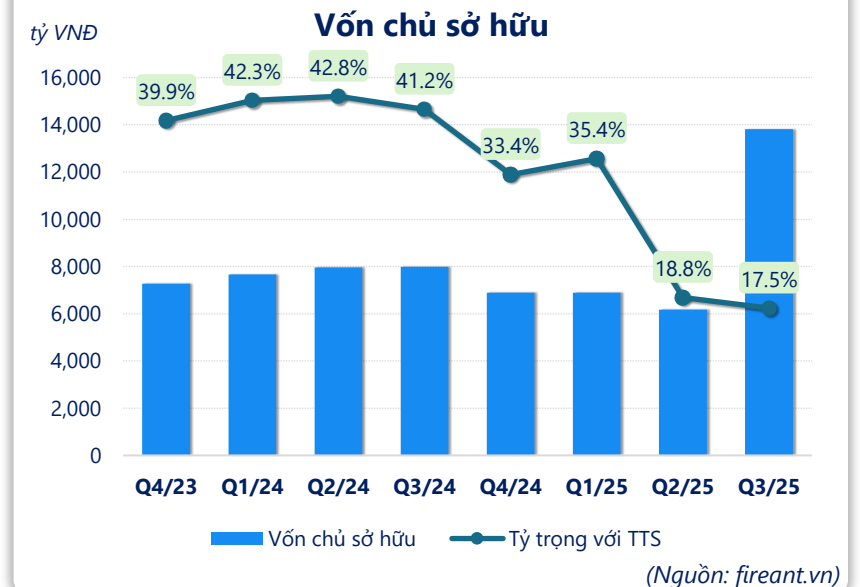
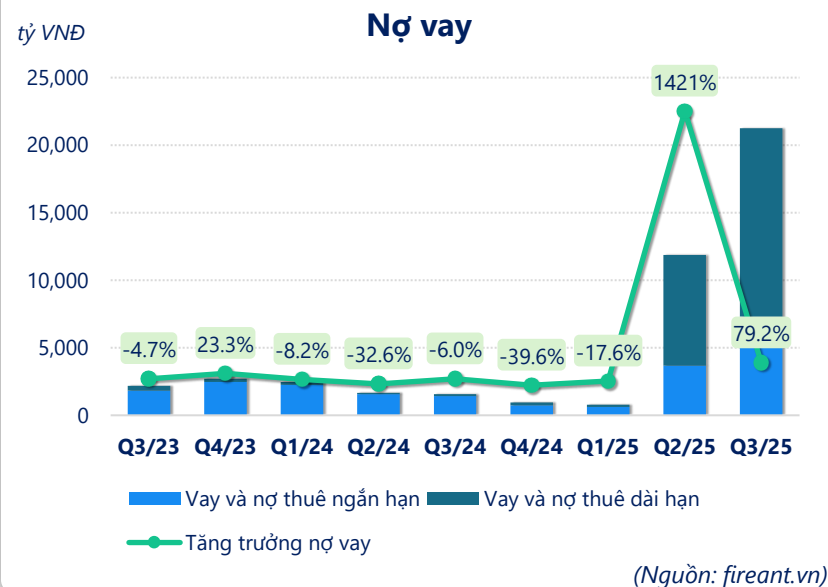
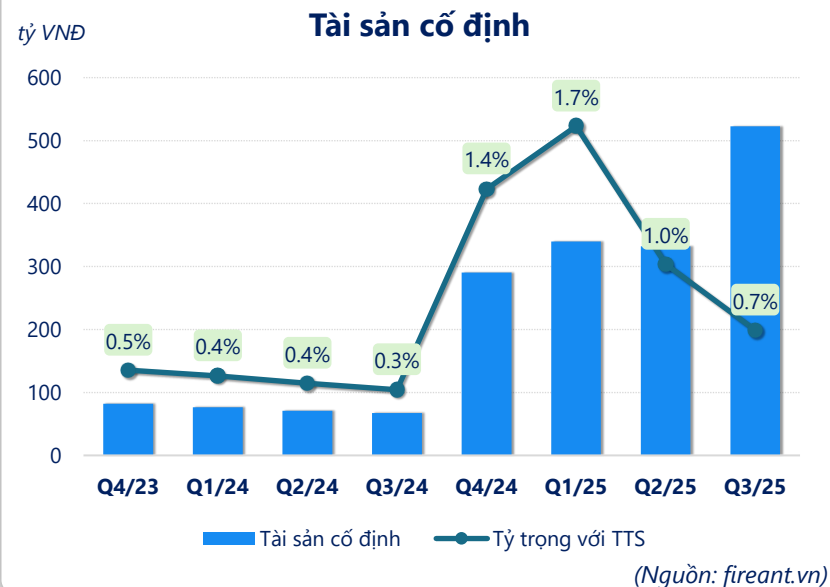
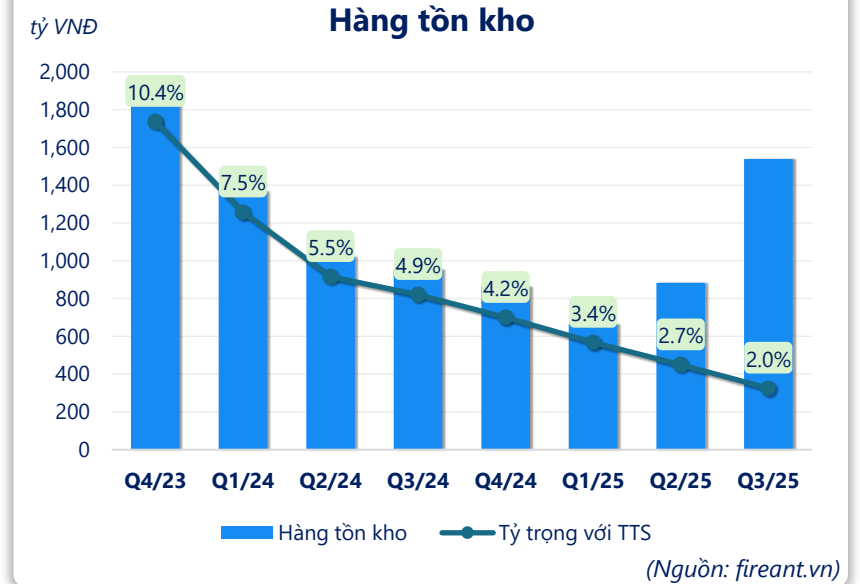
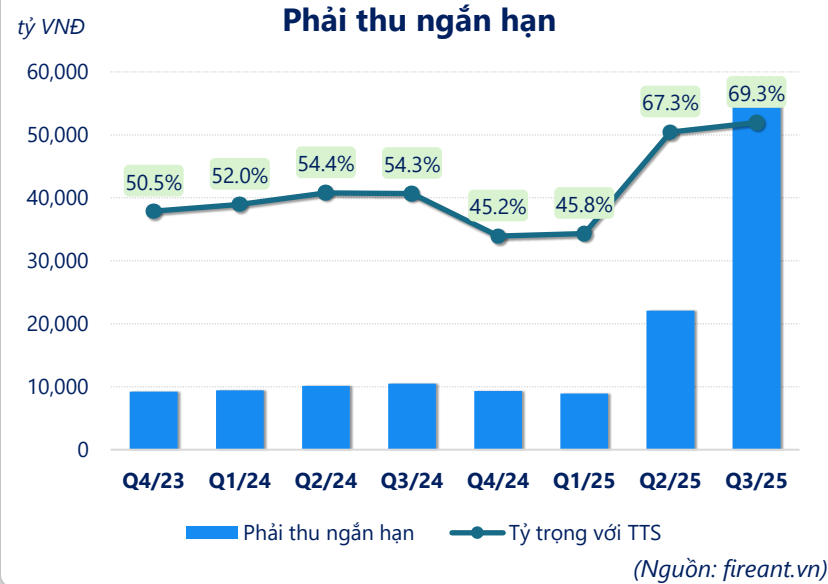
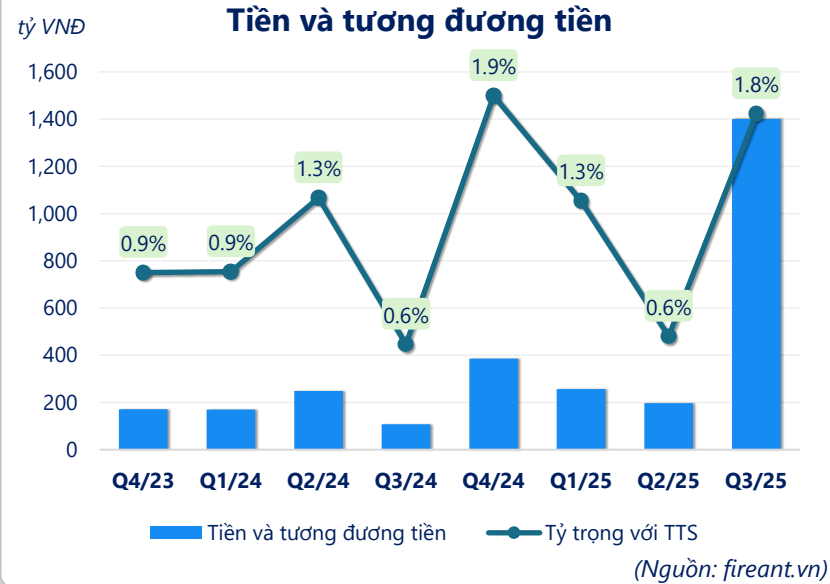
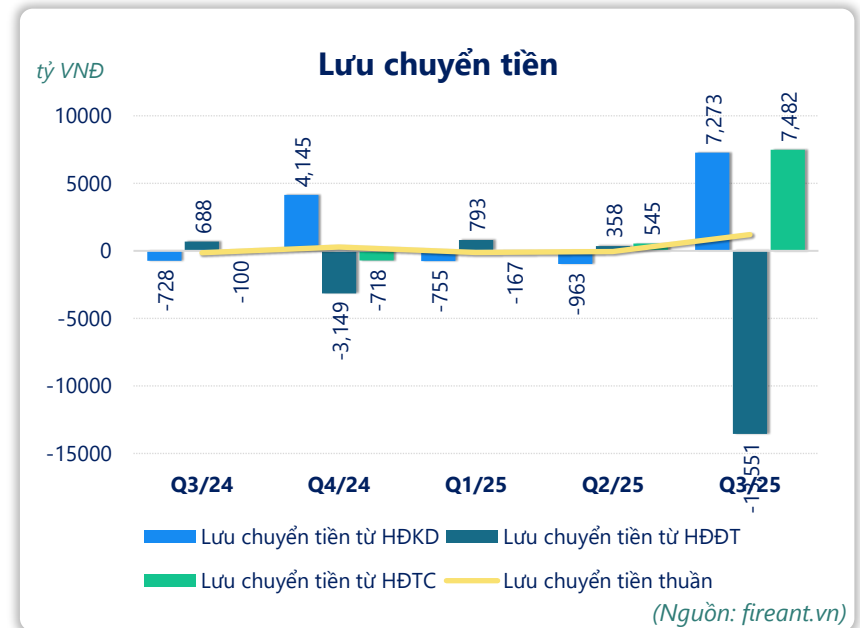
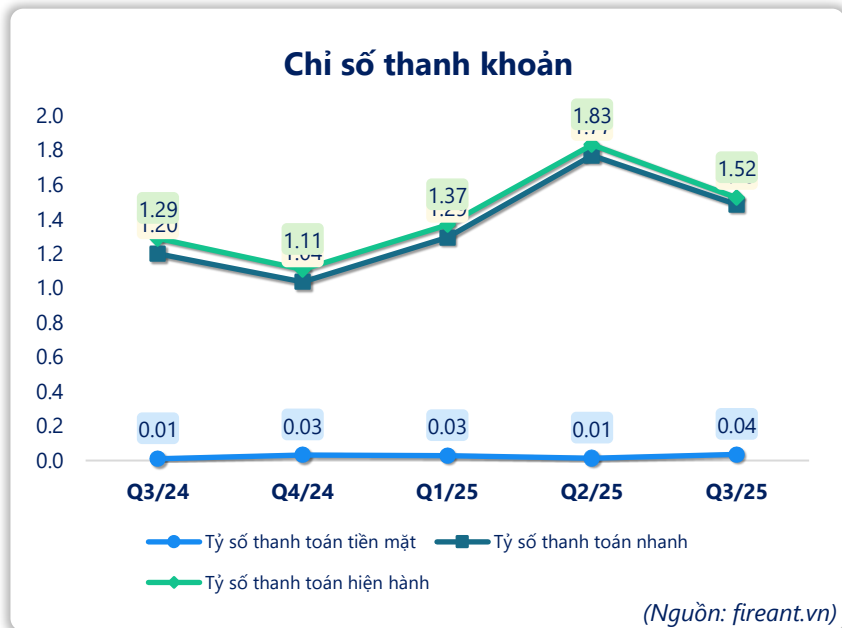
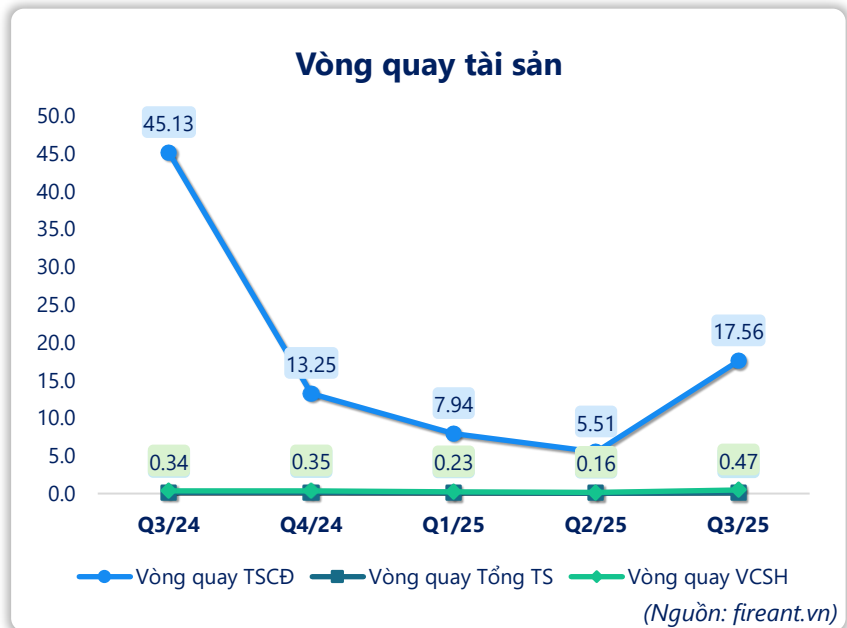
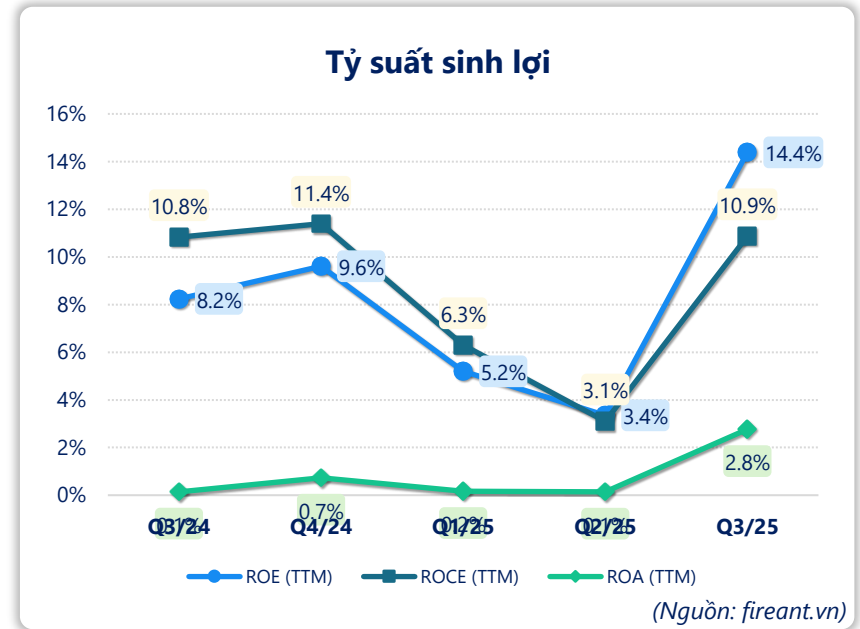
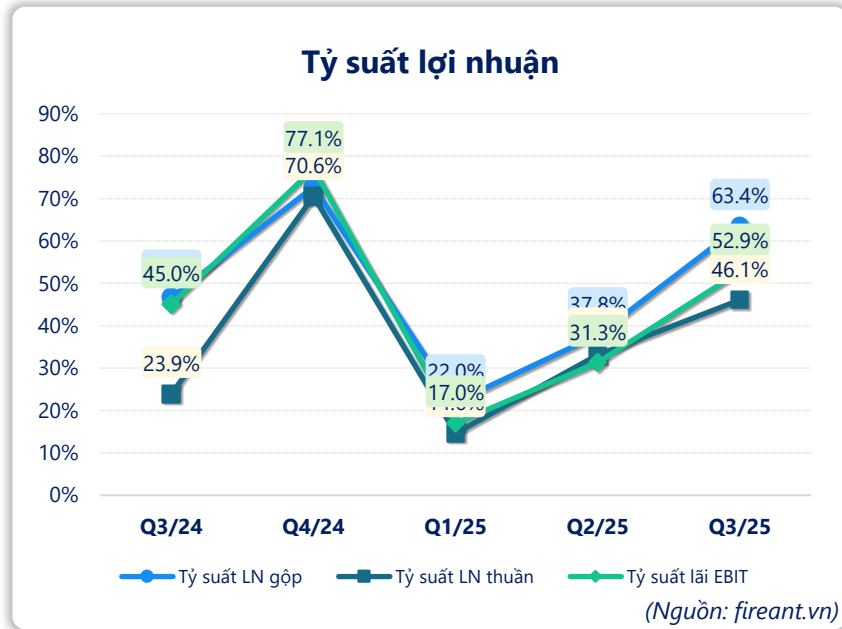
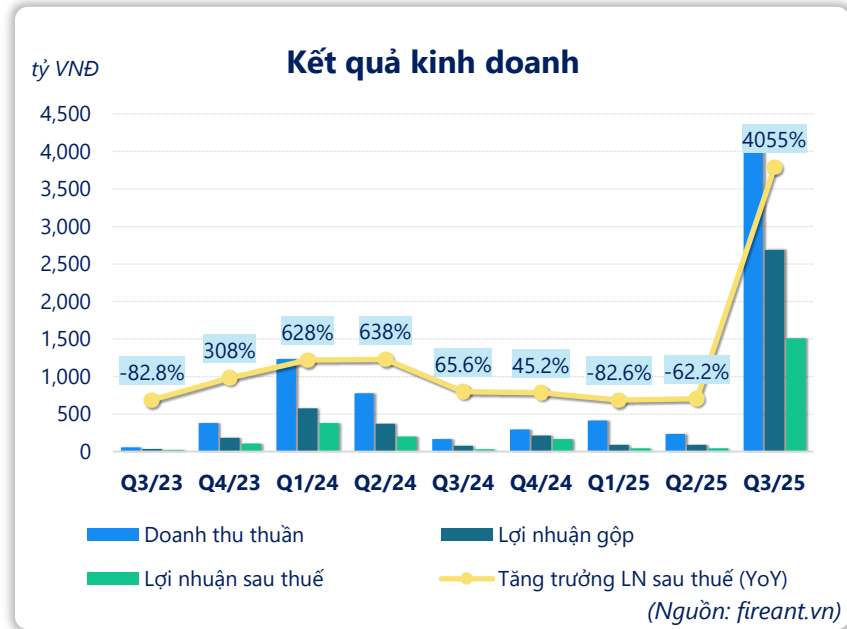


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		88,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		89,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		39,800
SL cổ phiếu LH		899,787,308
KLGD BQ 20 phiên (CP)		32,017
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		79,451
P/E		50.7
EPS		1,743

	YTD	1T	3T	6T
KSF	117.5%	15.6%	35.4%	31.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	78,780	20,558	283%
Tài sản ngắn hạn	60,137	13,425	348%
Tiền và tương đương tiền	1,401	386	263%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,484	2,153	-31.1%
Phải thu ngắn hạn	54,587	9,323	486%
Hàng tồn kho	1,539	866	77.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1,126	697	61.5%
Tài sản dài hạn	18,643	7,133	161%
Phải thu dài hạn	2,162	1,059	104%
Tài sản cố định	522	348	50.1%
Bất động sản đầu tư	1,185	412	187%
Tài sản dở dang	9,749	2,874	239%
Đầu tư tài chính dài hạn	4,922	2,431	102%
Tài sản dài hạn khác	102	7.98	1172%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	64,963	13,679	375%
Nợ ngắn hạn	39,448	8,571	360%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7,310	737	891%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,527	451	239%
Nợ dài hạn	25,515	5,108	399%
Vay và nợ thuê dài hạn	13,943	209	6566%
Nguồn vốn chủ sở hữu	13,817	6,879	101%
Vốn chủ sở hữu	13,817	6,879	101%
Vốn điều lệ	8,998	3,000	200%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	165	296	414	235	4,233
Giá vốn hàng bán	87.8	80.5	323	146	1,547
Lợi nhuận gộp	77.0	215	91.1	88.9	2,686
Doanh thu HĐTC	165	187	137	127	258
Chi phí TC	151	133	119	73.9	449
Chi phí lãi vay	34.7	19.1	12.2	10.2	317
LN trong công ty LKLD	0	0.02	0.13	-2.36	2.75
Chi phí bán hàng	5.58	19.4	7.08	16.4	501
Chi phí QLDN	46.2	41.0	41.8	45.3	46.0
LN thuần từ HĐKD	39.4	209	60.6	77.7	1,950
Lợi nhuận khác	0.08	0.00	-2.34	-14.4	-29.5
LN trước thuế	39.5	209	58.2	63.3	1,921
Lợi nhuận sau thuế	29.5	166	41.9	41.0	1,508
LNST của CĐ cty mẹ	26.6	142	31.8	36.7	1,358

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-728	4,145	-755	-963	7,273
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	688	-3,149	793	358	-13,551
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-100	-718	-167	545	7,482
Tiền đầu kỳ	248	108	386	257	197
Lưu chuyển tiền thuần	-140	278	-129	-59.9	1,204
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	108	386	257	197	1,401

(Nguồn: fireant.vn)